

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 05/CBTT

V/v: Công bố thông tin BCTN

Đồng Nai, ngày 18 tháng 04 năm 2019

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Lilama 45.4
2. Mã chứng khoán: L44
3. Địa chỉ trụ sở chính: Xa lộ Hà Nội – Bình Đa – Biên Hòa - Đồng Nai
4. Điện thoại: 0613.838.188 Fax: 0613.838008

5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phan Thị Thanh Thủy**

(Giấy ủy quyền số 41/CT-KTTC ký ngày 11/08/2017)

6. Nội dung thông tin công bố:

6.1- Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Lilama 45.4

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn nội dung Báo cáo thường niên năm 2018....:

[www.lilama454.com.vn](http://www.lilama454.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Phan Thị Thanh Thủy



2018

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**

---





# MỤC LỤC



**01**  
THÔNG TIN CHUNG



**02**  
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



**03**  
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM



**04**  
BÁO CÁO  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**05**  
BÁO CÁO  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**06**  
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG



**07**  
QUẢN TRỊ CÔNG TY



**08**  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN



## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro





Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4
Tên giao dịch:	LILAMA 45.4 JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	LILAMA 45.4 JSC
Giấy CNĐKDN số:	3600255703 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 14/08/2006, thay đổi lần thứ
Vốn điều lệ:	40.000.000.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	40.000.000.000 VNĐ
Địa chỉ:	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Số điện thoại:	(0251) 3 838 188
Số fax:	(0251) 3 838 008
Website:	<a href="http://www.lilama454.com.vn">www.lilama454.com.vn</a>
Email:	<a href="mailto:Lilama454vnn@vnn.vn">Lilama454vnn@vnn.vn</a>
Mã cổ phiếu:	L44



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



## THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

“ Từ khi thành lập đến nay Công ty đã tham gia lắp đặt hàng trăm công trình lớn nhỏ trên khắp mọi miền đất nước, đã và đang đưa vào sử dụng đạt chất lượng cao. Hơn 35 năm hoạt động và phát triển, Công ty Lilama 45.4 luôn giữ được tín nhiệm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước về chất lượng, tiến độ thi công và các dịch vụ bảo hành, bảo trì chu đáo”

7 Giấy khen Huy chương vàng Chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Trụ sở chính của Công ty nằm tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Địa bàn kinh doanh: Do đặc thù của công ty là kinh doanh xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng, nên công ty có địa bàn hoạt động thay đổi tùy theo từng dự án cả trong nước và ngoài nước. Nhưng địa bàn kinh doanh chính của Công ty là trong lãnh thổ nước Việt Nam.



Khảo sát thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng (đặc biệt là chế tạo các thiết bị thủy công, lắp đặt các nhà máy thủy điện lớn, vừa và nhỏ)

Tư vấn, thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất, vật liệu xây dựng, giấy, chế biến lương thực và thực phẩm.

Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở.

Xuất nhập khẩu, hóa chất, vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyền, công nghệ.

Chế tạo và lắp đặt các hệ thống đường ống hạ áp, trung áp và cao áp (dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí cho các công trình công nghiệp và dân dụng)

Xây lắp: Các công trình công nghiệp, các dây chuyền công nghệ máy móc, các đường dây tải điện cao thế, trung thế, hạ thế, các trạm biến áp,...

Sản xuất và kinh doanh các loại vật tư kim khí, sắt thép, điện máy, hóa chất, vật liệu điện, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, phế liệu xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp, vật liệu xây dựng, đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa...

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

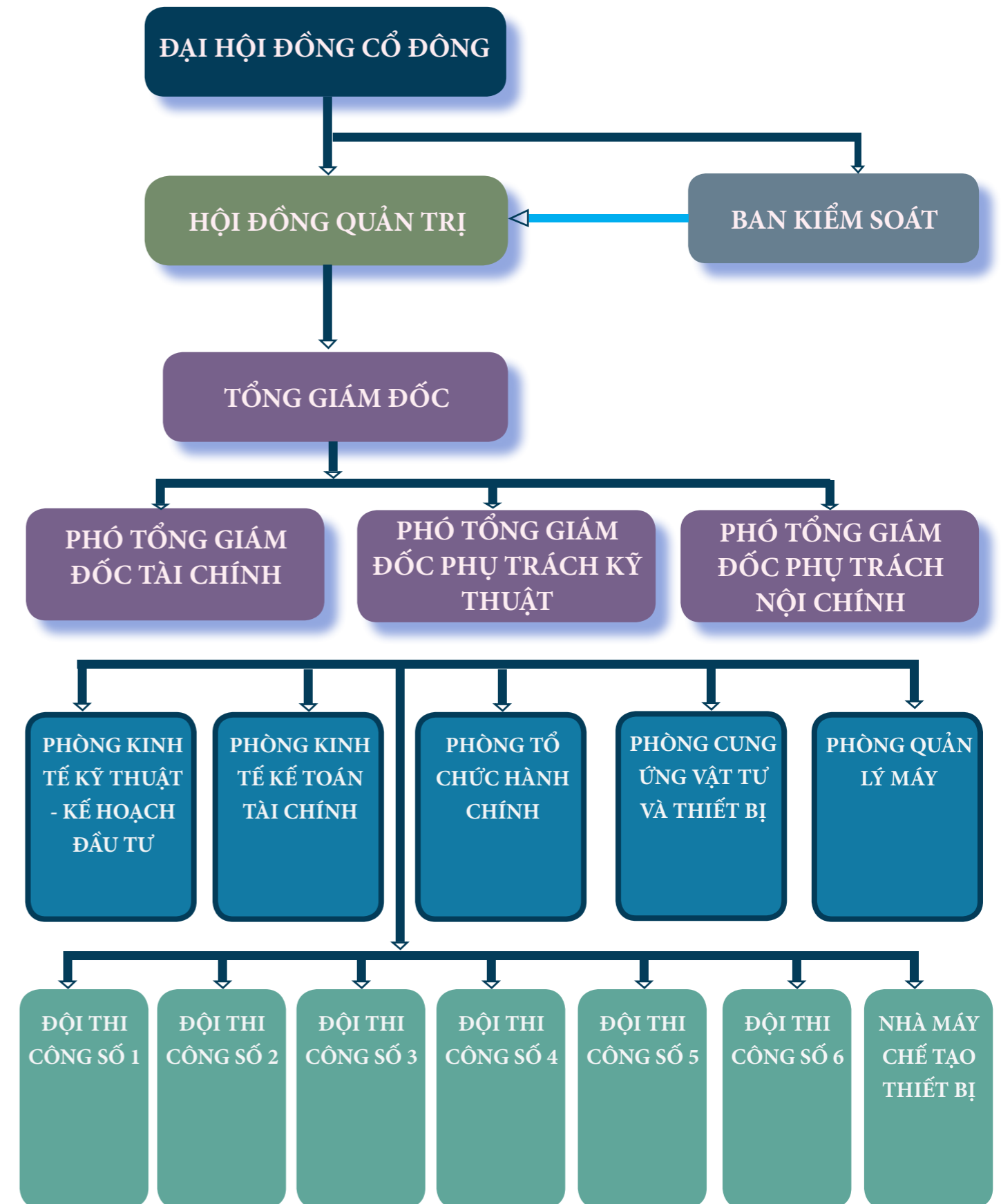
## Mô hình quản trị

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của L44 được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị Công ty
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

## Công ty con, Công ty liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.





## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đối với thị trường: Cung cấp các dịch vụ xây lắp, sản phẩm cơ khí chế tạo, dịch vụ đại tu, sửa chữa, bảo dưỡng công trình công nghiệp đạt chất lượng và giá cả cạnh tranh.
- Đối với cổ đông và đối tác: Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển; cam kết đồng hành cùng các đối tác trên con đường phát triển; đối với cổ đông Công ty phấn đấu đem lại mức cổ tức tăng trưởng qua từng năm; luôn gia tăng các giá trị đầu tư hấp dẫn và bền vững.
- Đối với CBCNV: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và văn hóa; tạo điều kiện nâng cao thu nhập và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả cán bộ công nhân viên.
- Đối với xã hội: Kết hợp hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân.
- Đối với môi trường: Tiết kiệm năng lượng tối đa, hạn chế tối thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.



## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Với quy mô của một doanh nghiệp vừa và nhỏ, Lilama 45.4 sẽ lấy hoạt động xây lắp, chế tạo là lĩnh vực sản xuất kinh doanh trọng tâm và tập trung củng cố, phát triển các nguồn lực sẵn có nhằm khai thác thị trường hiện có cũng như thâm nhập các phân khúc thị trường mới đối với mảng chế tạo, bảo trì bảo dưỡng cho các khu công nghiệp, các nhà máy, dây chuyền sản xuất trong khu công nghiệp...

Bên cạnh việc tập trung nguồn lực (con người và cơ sở vật chất) để củng cố vị thế và thương hiệu trong lĩnh vực hoạt động truyền thống hiện nay như lắp đặt các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện gió...; Lilama 45.4 cũng đang hướng đến tận dụng nguồn lực sẵn có để khai thác thêm mảng cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho các nhà máy, dây chuyền sản xuất trong các khu công nghiệp các tỉnh miền Đông Nam Bộ

Theo đó, việc trọng tâm hóa thị trường sẽ ít nhiều giúp Công ty khắc phục được hạn chế về vốn, cơ sở vật chất cũng như con người nhờ vào việc tận dụng nguồn lực của Công ty cũng như tranh thủ uy tín với các đối tác hiện tại trong lĩnh vực thủy điện, nhiệt điện, phong điện,...



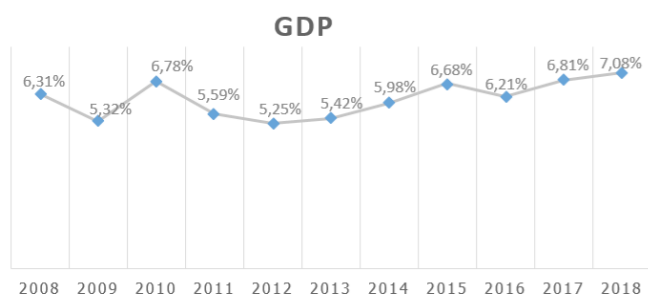
Định hướng mục tiêu này hứa hẹn sẽ giúp Công ty đạt được vị thế vững chắc trong ngành nghề truyền thống của mình cũng như tận dụng nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng thị trường để hướng tới vị trí các doanh nghiệp xây lắp uy tín trong và ngoài nước.

# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

## Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế của quốc gia của mỗi quốc gia ít nhiều đều có tác động đến sự phát triển của các ngành và lắp ráp xây dựng cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng. Các hoạt động kinh doanh của Công ty bị tác động bởi nhiều chỉ số như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát quốc gia, lãi suất, tỷ giá, chỉ số phát triển nhà đất, tốc độ đô thị hóa,... Ngành bất động sản càng phát triển thì nhu cầu về xây lắp cũng từ đó tăng lên. Từ đó, tạo bước đà vững chắc cho Công ty thuận lợi trong quá trình hoạt động.

Hòa chung không khí tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ và các nước phát triển, kinh tế Việt Nam trong năm 2018 đã có sự chuyển biến tích cực khi tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng. Tăng trưởng GDP cũng đạt 7,08% là mức tăng cao nhất từ năm 2008 trở lại đây. Cho thấy, kinh tế Việt Nam đang dần lấy bước đà để ngày càng phát triển, tạo cơ hội cho ngành xây dựng lắp ráp tiến lên. Trong năm nay, lạm phát bình quân ước tính khoảng 3,6%, thành công hơn mong đợi trong công cuộc kiểm soát lạm phát của nước ta.



Từ đó, sự ổn định và phát triển của nền kinh tế xã hội ở một quốc gia là một trong những yếu tố quan trọng để cho L44 có thể phát triển bền vững. Dự báo năm 2019 sẽ tiếp tục được hưởng lợi từ sự phục hồi tăng trưởng kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu mở rộng cũng như từ quá trình đàm phán các hiệp định thương mại như CPTPP, FTAS sẽ hứa hẹn cho sự tăng trưởng Việt Nam nói chung và ngành xây lắp nói riêng.

## Rủi ro pháp luật

CTCP Lilama 45.4 là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu nhiều tác động từ các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Bộ Luật lao động, các Nghị định, thông tư liên quan về hoạt động công bố thông tin,... Ngoài ra, L44 còn chịu sự chi phối bởi các văn bản luật chuyên ngành có liên quan. Những năm gần đây, rất nhiều văn bản pháp luật có sự thay đổi nhằm đáp ứng sự hội nhập sâu rộng đang diễn ra trong nền kinh tế hiện nay. Mỗi sự thay đổi đều hàm chứa cơ hội và thách thức ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với mỗi văn bản liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh được sửa đổi, Công ty đều nghiên cứu kỹ lưỡng, thực hiện rà soát quy trình hoạt động trước khi triển khai nhằm đưa ra các phương án điều chỉnh sao cho phù hợp nhất. CTCP Lilama 45.4 cam kết luôn tuân thủ các quy định của pháp luật trong các hoạt động của mình.





# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

## Rủi ro kinh tế

Việt Nam đang ngày càng hội nhập với các nước trên thế giới. Mức độ hội nhập kinh tế đang ngày càng mở rộng khiến ngành xây dựng lắp ráp cũng có những cơ hội về đối tác, nguồn cung cấp nguyên vật liệu đa dạng cũng như hợp tác với các đối tác nước ngoài để học hỏi tiếp thu thêm công nghệ nhằm đẩy mạnh tiến độ, năng suất làm việc cũng như chất lượng công trình xây dựng,... Bên cạnh những cơ hội, Công ty cũng đối mặt với nhiều thách thức từ vấn đề cạnh tranh khốc liệt từ các nhà thầu nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh, có uy tín trên thị trường xây dựng lắp ráp

Để giải quyết vấn đề này, Ban lãnh đạo luôn có những biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong hoạt động kinh doanh luôn đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ công trình, thiện hiện cam kết như hợp đồng để giữ vững chữ tín, tạo dựng niềm tin đối với khách hàng. Song song, Công ty luôn cải thiện và ngày càng nâng cao năng lực thi công sản xuất, tiếp thu thêm máy móc công nghệ để nâng cao năng suất và chú trọng công tác đào tạo nhân sự để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. L44 không ngừng duy trì và mở rộng hơn nữa mối quan hệ với các đối tác để tìm kiếm được đầu vào rẻ cũng như khai thác thêm lượng khách hàng tiềm năng nhằm phát triển.

## Rủi ro đặc thù hoạt động

Đặc thù trong ngành xây dựng lắp ráp luôn đối mặt với bài toán nguyên vật liệu đầu vào. Giá nguyên vật liệu (giá dầu, sắt thép, đá, các vật liệu xây dựng khác) liên tục biến động gây ra khó khăn cho công ty trong khâu này. Ngoài nguyên vật liệu ở thị trường trong nước, Công ty còn sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu từ nước ngoài để đáp ứng nhu cầu của các đối tác. Vì thế, Ban lãnh đạo luôn quan tâm đến biến động của tỷ giá để hạn chế tối thiểu rủi ro từ yếu tố này bằng cách mua các hợp đồng kỳ hạn, các hợp đồng giao sau để đảm bảo rủi ro ở mức thấp nhất.

## Rủi ro nhân sự



Hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp nặng nên vấn đề về nhân sự luôn cần được đảm bảo. Công ty luôn cần lớp lao động có trình độ, tay nghề để vận hành các máy móc thiết bị hạng nặng. Các tai nạn nghề nghiệp xảy ra sẽ ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty. Ý thức được điều này, Công ty luôn có chính sách lương thưởng, các chế độ đãi ngộ để đảm bảo công bằng cho người lao động.

## Rủi ro môi trường

Trong quá trình hoạt động, Công ty không tránh khỏi có những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực như khói bụi hàn, kim loại, tiếng ồn trong quá trình máy móc hoạt động. Vì thế, L44 luôn tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về môi trường, không ngừng cải thiện và nâng cao công nghệ tiên tiến để giảm thiểu các nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường cũng như con người xung quanh khu vực thi công.

## Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro trên, Công ty còn chịu những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,... Những rủi ro này tuy ít khả năng xảy ra nhưng khi xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các công trình thi công, hoạt động xây lắp của Công ty, từ đó làm chậm tiến độ và ảnh hưởng đến uy tín cũng như thiệt hại cho Công ty. Vì vậy, để giảm thiểu rủi ro này, L44 luôn theo dõi, nghiên cứu thông tin để đảm bảo tiến độ. Thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo quy định. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ nhân viên về sơ cấp cứu để đảm bảo an toàn lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng kết hợp mua bảo hiểm để phòng ngừa những rủi ro này.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng
- Những thay đổi nhân sự
- Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Phan Cao Viên	Chủ tịch	(Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 29/06/2018) Kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Sừng	Chủ tịch	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 29/06/2018
Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 29/06/2018 Kiêm Phó Tổng giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	Kiêm Kế toán trưởng
Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 01/04/2019
Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	Thành viên HĐQT

### Ông Phan Cao Viên

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	01/09/1970
Nguyên quán:	Phú Xuyên – Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Lilama 45.4
SLCP sở hữu	0 CP – 0% VĐL

#### Quá trình công tác:

T5/1996 – T11/2009	Công tác tại Công ty CP Lilama 45.3
T12/2009 – T03/2015	Công tác tại Công ty CP Lilama 45.1
T04/2015 - nay	Công tác tại Công ty CP Lilama 45.4

### Bà Phan Thị Thanh Thủy

Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	08/04/1964
Nguyên quán:	Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
SLCP sở hữu	30.000 CP – 0,75% VĐL

#### Quá trình công tác:

1988 - 1992	Kế toán – XN Liên hợp lắp máy 45 – Trị An – Đồng Nai
1993 – T2/2002	Kế toán – Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4
T3/2002 – T7/2016	Phó phòng Kế toán – Công ty Cổ phần Lilama 45.4
T8/2016 – Đến nay	Kế toán trưởng

### Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	09/05/1973
Nguyên quán:	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT
SLCP sở hữu	0 CP – 0% VĐL

#### Quá trình công tác:

1996 – T5/2015	Làm việc tại Công ty Cổ phần Lilama 45.1
T6/2015 – Đến nay	Trưởng phòng Kỹ thuật – Công ty Cổ phần Lilama 45.4
T6/2017 – Đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị

## Ông Vũ Thế Phương

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	10/12/1982
Nguyên quán:	Nghệ An
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT
SLCP sở hữu	6.608 CP – 0,17% VĐL

### Quá trình công tác:

2005 - 2009	Kỹ thuật thi công công trình thủy điện Sông Ba Hạ - Công ty CP Lilama 45.4
2010 - 2011	Giám đốc XN số 1 thi công CT thủy điện A Lưới – Công ty Cổ phần Lilama 45.4
2012 - nay	Đội trưởng thi công các công trình – Công ty Cổ phần Lilama 45.4
12/2007-2014	Thành viên Hội đồng quản trị

## Ông Nguyễn Văn Việt

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	10/07/1961
Nguyên quán:	Minh Châu – Đông Hưng – Thái Bình
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT
SLCP sở hữu	65.600 CP – 1,64% VĐL

### Quá trình công tác:

1983 - 1992	Công tác tại Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy 45
1983 - nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Lilama 45.4

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phan Cao Viên	Tổng giám đốc
Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch của Ông Phan Cao Viên, Ông Hoàng Văn Hà và Bà Phan Thị Thanh Thủy vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.

## BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng Ban Kiểm soát	0 CP – 0% VĐL
Ông Lê Minh Thiện	Thành viên	0 CP – 0% VĐL
Bà Nguyễn Thị Thu (Miễn nhiệm ngày 29/06/2018)	Thành viên	0 CP – 0% VĐL

### Những thay đổi trong Ban điều hành, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

- Ông Phan Cao Viên – Bầu cử Thành viên HĐQT tại ĐHCĐ 2018
- Ông Nguyễn Văn Việt – Bầu cử Thành viên HĐQT tại ĐHCĐ 2018





# TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>38</b>	
1	Trình độ đại học, trên đại học	19	50%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	6	15,79%
3	Khác	13	34,21%
<b>B</b>	<b>Địa bàn công tác</b>	<b>38</b>	
1	Cơ quan Công ty	17	44,74%
2	Thủy điện Thượng Kon Tum	5	13,16%
3	Thủy điện Sông Bung 2	3	7,89%
4	Nhà máy cơ khí	13	34,21%
<b>C</b>	<b>Trình độ lao động</b>	<b>38</b>	
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	25	65,79%
2	Trình độ bậc thợ	13	34,21%

## Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2015	6.510.000
2	2016	6.737.000
3	2017	5.808.000
4	2018	5.617.000
5	2019 (dự kiến)	5.000.000

## Chính sách đối với người lao động

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự phát triển của công ty, Lilama 45.4 luôn chú trọng thời gian, sức lực, và các nguồn lực khác để xây dựng một đội ngũ nhân sự nhiệt tình, tận tâm và làm việc hiệu quả.

Thực hiện đầy đủ và đúng luật các chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty.

Xây dựng và hoàn thiện chế độ đãi ngộ, khen thưởng gắn liền với hiệu quả lao động, thúc đẩy người lao động phát huy tối đa khả năng và năng lực của mình.

Tổ chức các lớp đào tạo, các buổi tập huấn nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho người lao động để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Quan tâm, hỗ trợ kịp thời các trường hợp khó khăn đặc biệt cho các cán bộ công nhân viên của công ty, tạo điều kiện cho các CBCNV được yên tâm công tác và làm việc.

Chăm lo đời sống tinh thần cho các cán bộ công nhân viên bằng việc tổ chức các hội thao, ngày hội văn hóa, nghệ thuật giúp các CBCNV giảm căng thẳng, làm phong phú đời sống của người lao động.





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ TH/ KH2018	Tỷ lệ TH2018/ TH2017
Doanh thu	60.841.876.561	120.000.000.000	11.464.894.444	-90,45%	-81,16%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	(113.314.983.646)	500.000.000	(21.262.723.359)	-4352,54%	-81,24%
Vốn điều lệ	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	100%	100%
Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	-	1%	-	-	-
<b>Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu</b>	-	0,42%	-	-	-
Nộp NSNN	3.960.020.468	5.400.000.000	8.490.545.451	57,23%	114,41%
Đầu tư XDCB	-	-	-	-	-

Trong năm 2018, Công ty đã nỗ lực để cải thiện tình hình hoạt động. Tuy nhiên, áp lực trả nợ vẫn đang còn là gánh nặng của L44. Nguồn vốn chủ sở hữu không đủ để thực hiện đầu tư các dự án. Vì vậy, các chỉ tiêu đều chưa đạt kế hoạch như đã đề ra. Doanh thu năm 2018 giảm 81,16% so với năm 2017. Tuy trong năm nay, giá vốn hàng bán của Công ty cũng đã có bước cải thiện đáng kể hơn. Mặc dù vậy, lợi nhuận sau thuế vẫn còn âm trong giai đoạn Công ty đang tái cơ cấu hoạt động.

Song, L44 vẫn đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ về Thuế cũng như tuân thủ các quy định về chính sách người lao động. Đảm bảo lợi ích công bằng cho người lao động. Ngoài ra, chính sách chi trả cổ tức của Công ty vẫn đang được gia hạn vì tình hình tài chính công ty chưa được ổn định, hoạt động kinh doanh vẫn chưa hiệu quả để thu được lợi nhuận.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Năm 2018, Công ty không đầu tư, không mua sắm máy móc thiết bị gì và đã tiến hành thanh lý và bán một số phương tiện, máy móc thiết bị hoạt động kém hoặc không có hiệu quả.

Công ty đã tiến hành thanh lý các tài sản không hiệu quả để trả nợ. L44 đã tổ chức bán đấu giá thành công các tài sản với quyền thuê đất tài nhà máy cơ khí chế tạo của Công ty để trả nợ cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài chính

ĐV: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	Tỷ lệ (%) 2018/2017
1	Tổng giá trị tài sản	198.225.805.517	174.874.079.649	-11,78%
2	Doanh thu thuần	60.841.876.561	11.464.894.444	-81,16%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	(112.305.206.667)	(18.411.396.994)	-
4	Lợi nhuận khác	(1.009.776.646)	(2.851.740.4420)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	(113.314.983.646)	(21.262.723.359)	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(113.314.983.646)	(21.262.723.359)	-
7	Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá (%)	-	-	-

Tổng giá trị tài sản năm 2018 giảm 11,78% chủ yếu do sự giảm của các khoản phải thu khách hàng. Điều này xuất phát từ việc giảm sút các hợp đồng mới trong năm nay khiến cho doanh thu của công ty giảm mạnh làm cho các khoản phải thu cũng giảm theo. Lợi nhuận sau thuế của công ty vẫn lỗ nhưng ít lỗ hơn năm trước do công ty đang trong quá trình tái cấu trúc công ty nên



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,68	0,60
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,20	0,13
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	140,86%	158,47%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-344,73%	-271,02%
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,81	0,12
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,23	0,06
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-186,25%	-185,46%
	Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-	-
	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-43,12%	-11,40%
	Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-184,59%	-160,59%

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

So với năm 2017, cả hai chỉ số về khả năng thanh toán đều có sự sụt giảm đạt mức 0,60 và 0,13 lần. Tài sản của Công ty không đảm bảo để trả nợ mà doanh nghiệp đã vay. Bên cạnh đó, tài sản Công ty cũng có sự sụt giảm 11,51% so với năm trước. Nguyên nhân là vì hai khoản mục chiếm tỷ trọng lớn là hàng tồn kho và khoản phải thu giảm so với năm 2017.

Ngoài ra, nợ ngắn hạn của Công ty có giảm nhẹ từ 279 tỷ còn lại 277 tỷ do Công ty đã nỗ lực tái cấu trúc để giải quyết nợ cho các nhà cung cấp. Do tài sản ngắn hạn trong năm nay giảm nhiều hơn so với tốc độ giảm của nợ ngắn hạn nên hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty cũng giảm theo.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn

Trong năm 2018, Công ty đã cố gắng để hoàn thành nghĩa vụ nợ cho các nhà cung cấp. Tuy nhiên các khoản nợ vay vẫn là gánh nặng tài chính đối với công ty. Khi tổng nợ vay chiếm gần 50% trong cơ cấu nợ. Tạo ra một thách thức rất lớn cho công ty trong năm nay.

## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Việc doanh thu giảm mạnh khiến cho chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đều kém hơn rất nhiều so với năm 2017. Điều này khó tránh khỏi khi hoạt động thi công của công ty đang gặp nhiều khó khăn trong những năm gần đây. Ban lãnh đạo đang cố hết sức cải thiện tình hình bằng cách cải tổ bộ máy hoạt động của Công ty, tìm kiếm các hợp đồng mới đồng thời tìm kiếm phát triển thêm ngành nghề khác tạo động lực cho sự phát triển của công ty. Trong bối cảnh, ngành bất động sản đang tăng trưởng chậm lại.



## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm qua, Công ty đã cố gắng tái cơ cấu để giảm gánh nặng vay nợ. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của L44 vẫn còn âm. Công ty không đủ vốn để trang trải cho các chi phí dẫn đến âm vốn chủ sở hữu. Tuy vậy, Ban lãnh đạo vẫn đang nỗ lực để duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty.





# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

## Cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành: 4.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.980.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Cổ phiếu quỹ: 20.000 CP.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trong năm Công ty không có sự thay đổi về Vốn đầu tư của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ.



## Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nhà nước	-	-	
2	Cổ đông trong nước	407	3.980.400	99,51%
	Tổ chức	7	1.425.480	
	Cá nhân	400	2.554.920	
3	Cổ đông nước ngoài	3	19.600	0,49%
	Tổ chức			
	Cá nhân	3	19.600	0,49%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>410</b>	<b>4.000.000</b>	

## Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP	1.402.346	35,06%

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Không có

## Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

## Các chứng khoán khác

Không có







## **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Đánh giá kết quả kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về tổ chức, chính sách quản lý
- Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến của kiểm toán viên
- Kế hoạch phát triển trong tương lai



## Đánh giá kết quả kinh doanh trong năm 2018

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH2018/2017 (%)	TH/KH 2018 (%)
Doanh thu	60.841.876.561	120.000.000.000	11.464.894.444	-81,16%	-97,59%
Lợi nhuận trước thuế	(113.314.983.646)	500.000.000	(21.262.723.359)	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-
EPS (Đồng/Cổphiếu)	(28.471)	-	(5.342)	-	-

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ lao động công nhân viên đã tiếp tục nỗ lực để cải thiện hoạt động kinh doanh cho Công ty, cắt giảm các chi phí hợp lý để đảm bảo cân đối tài chính cho Công ty, đồng thời cũng tuân thủ các quy định đối với các Luật liên quan quy định đối với Công ty đại chúng và cố gắng thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Mặc dù vậy, Công ty vẫn đang còn đối mặt với những khó khăn nhất định, gánh nặng về nợ vẫn là vấn đề mà Công ty đang gặp phải và cố gắng để giải quyết. Vì vậy, trong năm qua, Công ty vẫn chưa hoàn thành kế hoạch như đã đặt ra. Một số khó khăn điển hình mà Công ty còn phải đối mặt như:

Các công trình đang còn chậm triển khai, từ đó làm trễ tiến độ thực hiện. Vấn đề thiếu vốn khi thực hiện, thiếu vật tư cũng như nhân lực đang còn là vấn đề lớn của Công ty, làm một số kế hoạch không thể thực hiện được.

Đội ngũ nhân sự hiện có của Công ty còn ít, vừa cân bằng giữ lương của người lao động trong thời kỳ khó khăn nhưng vẫn đảm bảo công bằng cho người lao động. Công ty đang thiếu lực lượng lao động có tay nghề cao, có khả năng sử dụng những máy móc hạng nặng.

Áp lực lãi vay đã làm cho Công ty gặp nhiều trở ngại trong quá trình hoạt động. Nguồn vốn chủ sở hữu âm rất khó để thực hiện các hoạt động đầu tư khác cho Công ty.

Ngoài ra, việc dự toán kế hoạch và phát sinh thực tế chênh lệch nhiều làm tình hình mất cân đối càng lớn. Từ đó, việc hoạt động Công ty bị trì trệ, khó duy trì cũng như phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty

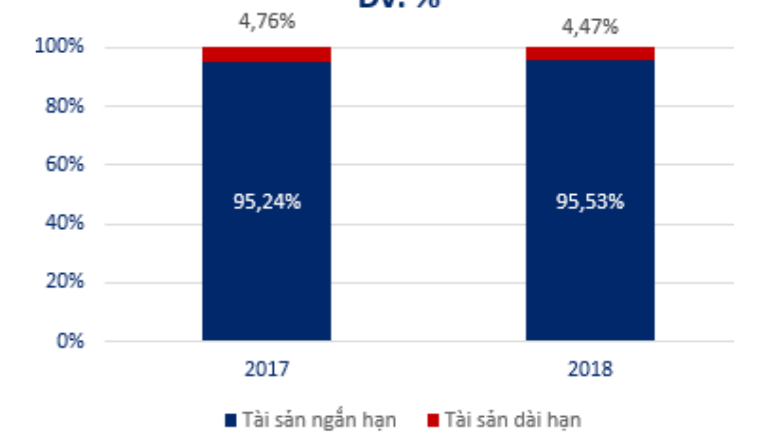
## Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		%Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	188.792.557.386	95,24%	167.058.580.186	95,53%	-11,51%
Tài sản dài hạn	9.433.248.131	4,76%	7.820.499.463	4,47%	-17,10%
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>198.225.805.517</b>	<b>100%</b>	<b>327.385.292.385</b>	<b>100%</b>	<b>-11,78%</b>

Tài sản của L44 chủ yếu là tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng trên 95% trong hai năm gần đây trong cơ cấu tổng tài sản. Trong đó, hàng tồn kho lại chiếm tỷ trọng lớn nhất cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty đang gặp khó khăn trong việc quản trị hàng tồn kho. Trong khi đó tổng tài sản giảm 11,78% do sự sụt giảm các khoản phải thu nguyên nhân chính đến từ việc sụt giảm mạnh từ doanh thu.



Cơ cấu tài sản  
Đv: %



Điểm đáng chú ý là hàng tồn kho vốn chiếm 75% trong tài sản ngắn hạn. Việc không có các hợp đồng mới và chậm tiến độ tại các dự án khiến hàng tồn kho giảm đi so với năm trước nhưng vẫn chiếm một tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu tài sản. Khiến cho chỉ số thanh khoản và chỉ số hoạt động kém hơn so với năm 2017.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		%Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	279.222.160.581	100%	277.138.158.072	100%	-0,75%
Nợ dài hạn	-	0%	-	0%	0%
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>279.222.160.581</b>	<b>100%</b>	<b>277.138.158.072</b>	<b>100%</b>	<b>-0,75%</b>
Vốn chủ sở hữu	(80.996.355.064)	-	(102.259.079.423)	-	-

Công ty chủ trương dùng nợ ngắn hạn để tài trợ cho vốn lưu động, phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty sử dụng đòn bẩy quá lớn, áp lực từ lãi vay trở thành gánh nặng cho Công ty. Việc sử dụng không hiệu quả đã dẫn đến âm vốn chủ sở hữu trong nhiều năm

Kèm theo đó các khoản mục chiếm tỷ trọng không nhỏ trong cơ cấu nợ là phải trả người bán, đặc thù ngành của công ty thường được nhận trước một phần doanh thu để tiến hành thực hiện các dự án, theo đó việc chậm tiến độ tại các dự án khiến doanh thu tăng trưởng chậm trong khi các khoản phải trả vẫn còn đó. Khoản chiếm dụng vốn này sẽ cực kì hiệu quả khi các dự án được tiến hành một cách trơn tru, công ty đang tích cực rà soát lại tiến độ của các dự án để có những khắc phục kịp thời.



# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Tiếp tục thực hiện phương án tài cấu trúc tài chính.



Cân đối tài chính để thực hiện việc trả lương cho cán bộ CNV, nộp các khoản thuế và BHXH kịp thời. Việc thanh toán lương phải phù hợp với kết quả SXKD.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục duy trì lĩnh vực truyền thống của Công ty đã có kinh nghiệm, năng lực nhân sự và máy móc. Ngoài các đối tác đã hợp tác lâu năm, Công ty sẽ mở rộng phạm vi tìm kiếm hợp tác với các đối tác mới, tạo thế chủ động cho đầu ra của Công ty.



Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành nhưng chưa thu hồi đủ vốn như: Điện gió Bạc Liêu, NM nước Thủ Đức...

Sắp xếp, cơ cấu lại lực lượng lao động cho phù hợp với tình hình SXKD của Công ty. Sử dụng lao động hợp lý, cải thiện điều kiện làm việc để tăng năng suất lao động.

Thực hiện việc quyết toán kịp thời đối với những công trình đã hoàn thành với Chủ đầu tư và đề nghị phải quyết toán xong trong năm 2018.

Hiện nay việc tuyển dụng lao động có nghề là rất khó khăn nên có chính sách tuyển dụng lao động hợp lý để đủ nhân lực phục vụ SXKD.



Rà soát lại tình hình công nợ và đề ra các giải pháp và lộ trình để thu hồi các khoản nợ đọng, các khoản nợ khó đòi và các khoản tạm ứng nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty. Công ty vẫn hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý như đã đề ra.



### Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong thời gian tới, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện tái cấu trúc. Công ty sẽ tìm cách tháo gỡ khó khăn, nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh kỳ vọng, cụ thể các công tác như sau:

- Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành nhưng chưa thu hồi đủ vốn
- Tập trung nguồn lực thi công các công trình chuyển tiếp từ những năm trước
- Tăng cường nguồn lực tiếp thị đấu thầu các công trình mới
- Sử dụng lao động hợp lý, cải thiện điều kiện làm việc để tăng năng suất lao động, tăng thu nhập
- Hiện nay, việc tuyển dụng lao động có nghề là rất khó khăn nên có chính sách tuyển dụng lao động hợp lý để đủ nhân lực phục vụ SXKD
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục duy trì lĩnh vực truyền thống của Công ty đã có kinh nghiệm, năng lực nhân sự và máy móc. Ngoài các đối tác đã hợp tác lâu năm, Công ty sẽ mở rộng phạm vi tìm kiếm hợp tác với các đối tác mới, tạo thế chủ động cho đầu ra của Công ty.

### Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty và đưa ra vấn đề cần nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của L44. Theo đó, tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 110 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến thời điểm 31/12/2018 khoảng 159,3 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018 âm khoảng 102,2 tỷ đồng.

Ban Tổng Giám đốc xin được giải trình do hiện nay, công ty đang áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau chính vì thế giá trị khoản mục này có thể sẽ được điều chỉnh theo quyết định của cơ quan Thuế.



## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Năm 2018 đi qua tiếp tục để lại những khó khăn nhất định cho Công ty, các mặt hoạt động của L44 hiện nay vẫn được cố gắng duy trì. Nhân sự biến động, tình hình tài chính mất cân đối, máy móc thiết bị phục vụ không hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính là những đặc điểm nổi bật tại trong nhiều khó khăn tại của Công ty. Với những khó khăn đó, Công ty chưa thể hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

Trong năm, L44 cũng đã có nhiều cố gắng trong việc tiết giảm chi phí tối đa, bên cạnh đó thực hiện thanh lý và bán những tài sản sử dụng kém hoặc không có hiệu quả nhằm giảm số dư nợ vay Ngân hàng và khắc phục tình trạng khó khăn, giảm thiểu số lỗ tiềm ẩn.

## KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong thời gian tới Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc như đề án đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị sẽ phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Công ty, nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh kỳ vọng, cụ thể các công tác như sau:

Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành nhưng chưa thu hồi đủ vốn như: Điện gió Bạc Liêu, NM nước Thủ Đức...

Hiện tại Công ty cố gắng duy trì hoạt động và đang tiến hành thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua để khắc phục khó khăn và ổn định sản xuất.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2018 đi qua tiếp tục để lại những khó khăn nhất định cho Công ty, các mặt hoạt động của L44 hiện nay vẫn được cố gắng duy trì. Nhân sự biến động, tình hình tài chính mất cân đối, máy móc thiết bị phục vụ không hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính là những đặc điểm nổi bật tại trong nhiều khó khăn tại của Công ty. Với những khó khăn đó, Công ty chưa thể hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- Các hợp đồng đã thực hiện và quyết toán xong thì thu hồi vốn chậm (như NM Điện gió Bạc Liêu, Bò chứa dầu Cái Lái...)
- Tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu xếp nguồn vốn phục vụ sản xuất, ảnh hưởng đến doanh thu thực hiện của một số công trình không đạt như dự kiến đề ra.
- Một số công trình đã thực hiện xong đang tiến hành quyết toán, công việc mất nhiều thời gian và phụ thuộc vào Chủ đầu tư/Nhà thầu chính như, Thủy điện Sông Bung 2, Nhà máy nước Thủ Đức, Nhiệt điện Vĩnh Tân 4...
- Quản lý chi phí đầu vào chưa tốt, một số hợp đồng tăng chi phí so với dự toán
- Kết chuyển chi phí dở dang của một số công trình trong kỳ trước (do xác định không đúng khối lượng dở dang cuối kỳ) vào kỳ này để xử lý và tiến hành thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính của Công ty.







## **BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



### Tác động đối với môi trường

Với hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp, công ty khó có thể tránh được các tác động đối với môi trường xung quanh. Các tác động có thể kể đến là khí thải khói hàn, bụi kim loại, tiếng ồn trong quá trình vận hành máy móc để thi công... Tuy nhiên, Lilama 45.4 luôn ý thức, tuân thủ pháp luật và cam kết các chính sách bảo vệ môi trường qua việc đáp ứng tốt các yêu cầu về tiếng ồn, chất thải, khí thải, tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động của mình. Đồng thời, lựa chọn áp dụng công nghệ tiên tiến đồng thời chủ động thay đổi những công đoạn không phù hợp trong quá trình sản xuất để giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động đến môi trường.

### Đảm bảo chất lượng an toàn công trình thi công

Với phương châm “an toàn là trên hết” các công trình xây lắp của L44 không chỉ đạt yêu cầu về tiến độ cũng như chất lượng mà còn đảm bảo yêu cầu về an toàn đối với khách hàng và người lao động.

Công tác thi công, nghiệm thu công trình luôn được giám sát một cách chặt chẽ. Công ty luôn đảm bảo được chất lượng của những công trình mà mình phụ trách và nhận được sự tin nhiệm của khách hàng trong những năm qua. Các dụng cụ, mũ bảo hộ, và trang phục cho người lao động luôn đảm bảo chất lượng theo qui định nhằm giúp cho người lao động yên tâm làm việc mà không phải e ngại bất cứ rủi ro nào.

### Tác động đối với người lao động

Tạo công ăn việc làm: Với sự tăng trưởng trong nhiều năm qua, Công ty đã tạo rất nhiều công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho đội ngũ cán bộ công nhân viên. Lao động hiện nay của công ty hiện có 144 người với mức lương trung bình trong năm qua là 5.884.000 triệu đồng/người/tháng. L44 luôn đảm bảo được thu nhập ổn định và cuộc sống cho người lao động, qua đó góp phần mang lại sự ổn định cho xã hội. Bên cạnh đó, công ty luôn có chính sách lao động hợp lý nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Phát triển nguồn nhân lực: Tương lai, Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi mục tiêu tạo này, chung tay cùng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước, cải thiện đời sống của người dân lao động.

### Tác động đối với cộng đồng xã hội

Về phía cộng đồng, ban lãnh đạo luôn tâm niệm: “Uống nước nhớ nguồn, Lá lành đùm lá rách.” Công ty đã xây dựng và quyên góp Quỹ Tình thương thường niên để thực hiện nhiều hoạt động có ý nghĩa như: ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn,...

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa hơn nữa để đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

Với hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp, công ty khó có thể tránh được các tác động đối với môi trường xung quanh. Các tác động có thể kể đến là khí thải khói hàn, bụi kim loại, tiếng ồn trong quá trình vận hành máy móc để thi công... Tuy nhiên, Lilama 45.4 luôn ý thức, tuân thủ pháp luật và cam kết các chính sách bảo vệ môi trường qua việc đáp ứng tốt các yêu cầu về tiếng ồn, chất thải, khí thải, tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động của mình. Đồng thời, lựa chọn áp dụng công nghệ tiên tiến đồng thời chủ động thay đổi những công đoạn không phù hợp trong quá trình sản xuất để giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động đến môi trường.







## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Xét thấy với quy mô hoạt động hiện nay, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công phụ trách các vấn đề nhân sự, lương thưởng, tài chính, sản xuất kinh doanh,... cụ thể theo tình hình thực tế của từng thời kỳ.

### Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu / không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phan Cao Viên	Chủ tịch	TV HĐQT từ ngày 29/06/2018	1/1	100%	
2	Ông Nguyễn Bá Sứng	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 23/04/2015 đến ngày 29/06/2018	3/3	100%	
3	Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 16/04/2012 đến ngày 29/06/2018	3/3	100%	
4	Bà Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	Thành viên HĐQT từ ngày 24/06/2016	4/4	100%	
5	Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 01/04/2019	4/4	100%	
6	Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 28/06/2017	4/4	100%	
7	Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 28/06/2017	1/1	100%	

### Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017. + Giá trị SXKD: 62,50 tỷ đồng + Doanh thu: 60,84 tỷ đồng + Lợi nhuận: (112,42) tỷ đồng 2. Thông qua dự kiến kế hoạch SXKD quý 1 và cả năm 2018 để trình chủ sở hữu và Đại hội cổ đông năm 2018 + Giá trị SXKD Năm 2018: 136,00 tỷ đồng Q1/2018: 25,00 tỷ đồng + Doanh thu: 120,00 tỷ đồng 20,00 tỷ đồng + Lợi nhuận: 0,50 tỷ đồng 0,10 tỷ đồng 3. Triển khai thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính. (Theo tờ trình số 01/TT-HĐQT ngày 28/06/2017 của HĐQT Công ty cổ phần Lilama 45.4 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua và Biên bản thỏa thuận ngày 20/10/2017 ký giữa Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và Công ty cổ phần Lilama 45.4). HĐQT giao cho Ban Tổng Giám đốc Công ty phối hợp với DATC tổ chức thực hiện. Dự kiến trong quý 1/2018.
1	01/NQ-HĐQT	29/01/2018	



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
2	02/NQ-HĐQT	23/05/2018	<p>1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD quý 1/2018</p> <p>+ Giá trị SXKD: 7,73 tỷ đồng</p> <p>+ Doanh thu: 6,84 tỷ đồng</p> <p>+ Lợi nhuận : 0,02 tỷ đồng</p> <p>2. Dự kiến kế hoạch SXKD quý 2/2018</p> <p>+ Giá trị SXKD: 10,00 tỷ đồng</p> <p>+ Doanh thu: 8,50 tỷ đồng</p> <p>+ Lợi nhuận : 0,02 tỷ đồng</p> <p>3. Phê duyệt điều chỉnh hệ số thang bảng nội bộ Công ty (Theo tờ trình số 02/TGD ngày 20/03/2018 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4)</p> <p>4. Phê duyệt kế hoạch thanh lý, bán đấu giá tài sản để thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính Công ty (Theo tờ trình số 04/TGD ngày 18/05/2018 Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4)</p> <p>Đồng ý thanh lý, bán đấu giá tài sản để tái cấu trúc tài chính. Chọn giá khởi điểm</p> <p>+ Nhà Trụ sở Công ty: 22,70 tỷ đồng</p> <p>+ Nhà máy cơ khí: 46,20 tỷ đồng</p> <p>Chọn đơn vị đấu giá: Công ty TNHH đấu giá Đông Nam</p> <p>Quy chế đấu giá do đơn vị tổ chức đấu giá lập.</p> <p>Ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng thanh lý thực hiện việc bán đấu giá tài sản và trình kế hoạch sử dụng nguồn tiền thu được từ việc bán đấu giá trên.</p> <p>5. Thông qua kế hoạch chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.</p> <p>- Thời gian tổ chức Đại hội: Dự kiến vào khoảng trong tuần thứ 4 của tháng 6/2018.</p> <p>- Chuẩn bị nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2016 -&gt; 2021.</p> <p>6. Lập kế hoạch chuẩn bị phục vụ Đại hội như: Thư mời; Tài liệu; Địa điểm</p>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
3	03/NQ-HĐQT	03/07/2018	<p>1- Bầu cử nhân sự Chủ tịch HĐQT Công ty. Căn cứ kết quả bầu cử nhân sự HĐQT bổ sung nhiệm kỳ 2016 – 2021 của Công ty cổ phần Lilama 45.4 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 29/06/2018. Các thành viên HĐQT biểu quyết bầu Ông Phan Cao Viên, Sinh ngày 01/09/1970, Kỹ sư cơ điện, Thành viên HĐQT giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lilama 45.4.</p> <p>2- Ký hợp đồng Kiểm toán Báo cáo tài chính 2018. Lựa chọn và ký hợp đồng số: 232/HĐKT/TC/NV12 ngày 03/07/2018 với Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam là đơn vị soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Doanh nghiệp</p>
4	04/NQ-HĐQT	02/08/2018	<p>1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD Quý 2 và 6 tháng năm 2018</p> <p>+ Giá trị SXKD Q2/2018: 5,71 tỷ đồng Lũy kế 6T/2018: 13,44 tỷ đồng</p> <p>+ Doanh thu: 4,07 tỷ đồng 10,90 tỷ đồng</p> <p>+ Lợi nhuận: 0,02 tỷ đồng (8,64) tỷ đồng</p> <p>2. Dự kiến kế hoạch SXKD quý 3/2018</p> <p>+ Giá trị SXKD: 10,00 tỷ đồng</p> <p>+ Doanh thu: 8,50 tỷ đồng</p> <p>+ Lợi nhuận : 0,05 tỷ đồng</p> <p>3. Thông qua việc điều chỉnh số cổ phần, nhân sự Người đại diện phần vốn tại Công ty CP Lilama 45.4 như sau:</p> <p>- Miễn nhiệm chức danh Tổ trưởng tổ đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP tại Công ty cổ phần LILAMA 45.4 đối với Ông Nguyễn Bá Sừng theo nguyện vọng cá nhân. Số vốn do ông Nguyễn Bá Sừng quản lý được giao cho ông Phan Cao Viên và ông Hồ Phước Vĩnh Tùng, kể từ ngày 25/06/2018.</p>

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
4	04/NQ-HĐQT	02/08/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm số cổ phần giao cho bà Phan Thị Thanh Thủy, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Lilama 45.4, quản lý 600.000 cổ phần tương đương 15% vốn điều lệ xuống 400.000 cổ phần tương đương 10% vốn điều lệ của LILAMA 45.4 (số vốn giảm được giao cho ông Hồ Phước Vĩnh Tùng tiếp nhận và quản lý), kể từ ngày 25/06/2018.</li> <li>- Cử ông Phan Cao Viên, Tổng Giám đốc LILAMA 45.4 giữ chức danh Người đại diện phần vốn và Tổ trưởng tổ đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP tại LILAMA 45.4. Số vốn giao cho ông Phan Cao Viên quản lý 600.000 cổ phần tương đương 15% vốn điều lệ LILAMA 45.4 được tiếp nhận từ ông Nguyễn Bá Sứng, kể từ ngày 25/06/2018.</li> <li>- Cử ông Hồ Phước Vĩnh Tùng, Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật LILAMA 45.4 giữ chức danh Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP tại LILAMA 45.4. Số vốn giao cho ông Hồ Phước Vĩnh Tùng quản lý 402.346 cổ phần tương đương 10,6% vốn điều lệ LILAMA 45.4 (5% tiếp nhận từ bà Phan Thị Thanh Thủy và 5,6% tiếp nhận từ ông Nguyễn Bá Sứng), kể từ ngày 25/06/2018.</li> <li>- Sau khi thay đổi Người đại diện phần vốn, số vốn giao và số lượng người đại diện của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP tại LILAMA 45.4 là 03 (ba) người như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ông Phan Cao Viên, Tổ trưởng tổ đại diện phần vốn, quản lý 600.000 cổ phần tương đương 15% vốn điều lệ.</li> <li>+ Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng, Người đại diện phần vốn, quản lý 402.346 cổ phần tương đương 10,6% vốn điều lệ.</li> <li>+ Bà Phan Thị Thanh Thủy, Người đại diện phần vốn, quản lý 400.000 cổ phần tương đương 10% vốn điều lệ.</li> </ul> </li> </ul>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
4	04/NQ-HĐQT	02/08/2018	<p>4. Thông qua việc bàn giao tài sản cầm cố cho chủ nợ (DATC) xử lý thu hồi nợ vay. Qua 03 lần LILAMA 45.4 tổ chức đấu giá nhượng quyền sử dụng 02 bất động sản (Trụ sở Công ty và Nhà máy cơ khí) không thành công. HĐQT Công ty thống nhất bàn giao tài sản cầm cố đảm bảo vốn vay (Nhà máy cơ khí) cho bên chủ nợ (DATC) xử lý để thu hồi khoản nợ vay.</p> <p>5. Thông qua việc hỗ trợ về thủ tục pháp lý cho dự án nhà ở của CBCNV hưu trí LILAMA HĐQT giao cho Ban lãnh đạo LILAMA 45.4 tiếp tục hỗ trợ về các thủ tục pháp lý cho dự án nhà ở của CBCNV hưu trí LILAMA (Không liên quan đến tài chính của LILAMA 45.4)</p>
5	01/QĐ-HĐQT	04/01/2018	Phê duyệt quy chế “ Phối hợp hoạt động giữa chuyên môn và Công đoàn” Công ty cổ phần Lilama 45.4.
6	02/QĐ-HĐQT	23/05/2018	Điều chỉnh Hệ thống thang bảng lương, phụ cấp lương, Quy định tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng với nhóm chức danh nghề của Công ty CP Lilama 45.4 (Theo Nghị định 141/NĐ-CP)
7	03/QĐ-HĐQT	23/06/2018	Thành lập tiểu ban nhân sự phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017



## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát	Trưởng ban từ ngày 24/06/2016	2/2	100%
2	Ông Lê Minh Thiện	Thành viên	Thành viên từ ngày 24/06/2016	2/2	100%
3	Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên	Thành viên từ ngày 28/06/2017 Miễm nhiệm ngày 29/6/2018	1/1	0

Trong năm 2018, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị điều hành của Công ty theo quy định. Ban kiểm soát Công ty đã tham gia một số phiên họp của HĐQT, đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của ban kiểm soát.

Năm qua, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thanh mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị và điều hành Công ty theo quy định. Ban kiểm soát Công ty đã tham gia trong một số phiên họp của HĐQT, đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của ban kiểm soát.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về các vấn đề liên quan đến việc điều hành hoạt động SXKD của Ban lãnh đạo Công ty.

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	36.912	0,9228%	0	0,00%	Bán

## CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

### Thù lao lương thưởng và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
1	Hội đồng quản trị				
	Ông Phan Cao Viên	Chủ tịch	-	46.128.000	-
	Ông Nguyễn Bá Sứng	Thành viên	-	-	-
	Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	-	46.128.000	-
	Bà Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	-	43.878.000	-
	Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng	Thành viên	-	44.700.000	-
	Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	-	-	-
	Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	-	38.700.000	-
2	Ban Kiểm soát				
	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban	-	43.878.000	-
	Ông Lê Minh Thiện	Thành viên	-	38.850.000	-
	Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên	-	-	-
3	Ban Điều hành				
	Ông Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc	-	-	-
	Ông Hoàng Văn Hà	P.Tổng Giám đốc	-	-	-
	Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	-	-	-

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Công ty không có giao dịch với cổ đông nội bộ.

### Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định Pháp luật về quản trị công ty.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN





NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 45.4 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### KHAI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/09/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xã lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 là 40.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 4.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP	1.402.346	14.023.460.000	35,06%
Vốn góp của cổ đông khác	2.597.654	25.976.540.000	64,94%
	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100,00 %</b>

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG KỶ

Ngày 4/10/2018 Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 1631/QĐ-CT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty cổ phần Lilama 45.4. Đến thời điểm hiện tại thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành. Công ty được Cục Thuế cho phép sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Ngày 20/2/2019 Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh (DATC-HCM) đã có công văn gửi Công ty Cổ phần Lilama 45.4 thông báo về việc đã tổ chức bán đấu giá thành công tài sản trên đất gắn liền với lợi thế quyền thuê 19.899 m<sup>2</sup> đất tại nhà máy cơ khí chế tạo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại địa chỉ số 4 đường 9A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với mức giá 46.046.000.000 đồng. Theo đó số tiền bán tài sản thu được sẽ được DATC-HCM trừ vào nợ gốc mà Công ty Lilama 45.4 phải trả, việc cần trừ công nợ sẽ được chi tiết tại biên bản đối chiếu công nợ.

Ngoài sự kiện trên không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Phan Cao Viên	Chủ tịch hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 29/6/2018
Ông Nguyễn Bá Sùng	Chủ tịch hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 29/6/2018
Phan Thị Thanh Thúy	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Vũ Thế Phương	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Vũ Văn Việt	Thành viên hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 29/6/2018
Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 29/6/2018



**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm**

Ông Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm**

Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban
Ông Lê Minh Thiện	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 29/6/2018

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2018 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty;

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2018



Phan Cao Viên

Số: 367/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4, được lập ngày 26/3/2019, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.1 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2018, tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 110 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2018 khoảng 159,3 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018 âm khoảng 102,2 tỷ đồng. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào Ban Giám đốc Công ty có thể thu xếp được các dòng tiền trong tương lai. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh liên tục, có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty trong tương lai gần.



**TÔNG THỊ BÍCH LAN**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNT số 0060-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019

**LÊ NGỌC KHUÊ**

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNT số 0663-2018-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Xa Lộ Hà Nội - Phường Bình Đa - TP, Biên Hòa - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	Đơn vị tính: đồng 01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>167.058.580.186</b>	<b>188.792.557.386</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>227.550.278</b>	<b>1.360.902.727</b>
1. Tiền	111		227.550.278	1.360.902.727
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.668.054.142</b>	<b>55.218.689.637</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	32.015.432.219	52.854.274.548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.071.744.637	4.843.716.637
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	586.962.445	573.642.445
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(3.006.085.159)	(3.052.943.993)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>131.162.975.766</b>	<b>132.212.965.022</b>
1. Hàng tồn kho	141		131.162.975.766	132.319.677.782
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(106.712.760)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.820.499.463</b>	<b>9.433.248.131</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>122.126.281</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	122.126.281	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.506.946.818</b>	<b>9.241.821.767</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	4.525.446.818	6.260.321.767
- Nguyên giá	222		62.694.098.415	62.694.098.415
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(58.168.651.597)	(56.433.776.648)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.981.500.000	2.981.500.000
- Nguyên giá	228		2.981.500.000	2.981.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>191.426.364</b>	<b>191.426.364</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	191.426.364	191.426.364
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>174.879.079.649</b>	<b>198.225.805.517</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	Đơn vị tính: đồng 01/01/2018
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>277.138.158.072</b>	<b>279.222.160.581</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>277.138.158.072</b>	<b>279.222.160.581</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	39.802.186.458	46.783.509.088
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	15.849.647.358	13.953.949.597
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	8.490.545.451	7.992.734.418
4. Phải trả người lao động	314		11.501.087.718	14.010.884.718
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	9.451.244.288	12.643.593.694
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		966.974.134	2.941.409.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	62.905.198.602	52.724.806.003
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	127.842.927.404	127.842.927.404
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		328.346.659	328.346.659
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(102.259.078.423)</b>	<b>(80.996.355.064)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>(102.259.078.423)</b>	<b>(80.996.355.064)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.520.000.000	3.520.000.000
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(282.000.000)	(282.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.833.254.447	11.833.254.447
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.000.893.238	2.000.893.238
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(159.331.226.108)	(138.068.502.749)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(138.068.502.749)	(24.753.519.103)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(21.262.723.359)	(113.314.983.646)
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>174.879.079.649</b>	<b>198.225.805.517</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Thị Thanh Thủy

Phan Thị Thanh Thủy

Phan Cao Viên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Đơn vị tính: đồng Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	11.464.894.002	60.841.876.561
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.464.894.002	60.841.876.561
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.120.634.444	155.077.105.871
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.655.740.442)	(94.235.229.310)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	63.663.876	47.858.041
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.879.523.946	11.550.410.218
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.855.524.931	11.550.410.218
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.939.796.482	6.567.425.180
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.411.396.994)	(112.305.206.667)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	694.229.714	1.113.004.114
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.545.556.079	2.122.781.093
13. Lợi nhuận khác	40		(2.851.326.365)	(1.009.776.979)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(21.262.723.359)	(113.314.983.646)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(21.262.723.359)	(113.314.983.646)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(5.342)	(28.471)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(5.342)	(28.471)

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Thị Thanh Thủy

Phan Thị Thanh Thủy

Phan Cao Viên



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Đơn vị tính: đồng Năm 2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	35.345.923.492	62.111.493.446
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(26.494.824.832)	(25.724.038.874)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.294.339.000)	(20.192.362.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.286.328.026)	(919.688.678)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(145.012.492)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	646.693.303	163.080.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.056.589.836)	(10.925.216.264)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.139.464.899)</b>	<b>4.368.255.138</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	174.900.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.112.450	4.240.642
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.112.450</b>	<b>179.140.642</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	20.713.950.866
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(27.014.698.697)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(6.300.747.831)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.133.352.449)</b>	<b>(1.753.352.051)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.360.902.727</b>	<b>3.114.472.341</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	(217.563)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>227.550.278</b>	<b>1.360.902.727</b>

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2018

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/09/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xã Lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 33 người (tại ngày 01/01/2018 là 103 người)

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây truyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc thiết bị phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng;
- Lắp đặt thang máy; Lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa dung dịch lỏng; Lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Bán buôn sắt thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường);
- Đại lý mua bán, kỹ gửi hàng hóa;
- Xây dựng lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không gia công tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).



### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, và các văn bản pháp lý liên quan khác theo quy định của nhà nước.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (đồng), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2018, tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 110 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2018 khoảng 159,3 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018 âm khoảng 102,2 tỷ đồng. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào Ban Giám đốc Công ty có thể thu xếp được các dòng tiền trong tương lai. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giá định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh liên tục, có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty trong tương lai gần.

Theo biên bản thỏa thuận ngày 20/10/2017 giữa Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh (DATC) và Công ty Cổ phần Lilama 45.4 thì sau khi DATC mua lại khoản nợ của Ngân hàng Đầu tư Phát triển – Chi nhánh Đồng Nai sẽ thực hiện phương án xử lý nợ.

- Thu nợ 45 tỷ đồng thời hạn 12 tháng bằng các nguồn tài chính hợp pháp, trường hợp không huy động đủ nguồn tài chính hợp pháp thì sẽ thực hiện bán thanh lý hai bất động sản là tòa nhà văn phòng Công ty và Nhà máy cơ khí chế tạo.
- Sau khi thực hiện trả nợ DATC sẽ thực hiện chuyển 22 tỷ đồng nợ phải thu thành vốn góp với tỷ lệ 1:1. Số nợ còn lại sẽ được xóa trách nhiệm trả nợ.

Căn cứ tờ trình đại hội đồng cổ đông ngày 29/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 45.4 Công ty thông qua phương án tái cơ cấu tài chính Công ty với một số nội dung chính:

- Chuyển nhượng tài sản là trụ sở Công ty và nhà máy cơ khí để trả các khoản nợ, góp phần cải thiện tình hình tài chính và hoạt động của công ty. Đến thời điểm 31/12/2018 Công ty đã thực hiện xong việc thẩm định giá trị của hai tài sản để chuẩn bị cho việc bán tài sản. Đến thời điểm ngày 20/2/2019 Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh (DATC-HCM) đã có công văn gửi Công ty Cổ phần Lilama 45.4 thông báo về việc đã tổ chức bán đấu giá thành công tài sản trên đất gắn liền với lợi thế quyền thuê 19.899 m<sup>2</sup> đất tại nhà máy cơ khí chế tạo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại địa chỉ số 4 đường 9A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với mức giá 46.046.000.000 đồng. Theo đó số tiền bán tài sản thu được sẽ được DATC-HCM trừ vào nợ gốc mà Công ty Lilama 45.4 phải trả, việc cân trừ công nợ sẽ được chi tiết tại biên bản đối chiếu công nợ.

- Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ lên 62 tỷ: Tăng 22 tỷ đồng, tương đương 2.200.000 cổ phần phổ thông; Đối tượng nhận mua cổ phần phát hành tăng thêm là Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) thông qua việc chuyển nợ thành vốn góp cổ phần tỷ lệ 1:1, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá mức độ tổn thất của Ban Tổng Giám đốc Công ty cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc đặc khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### a) Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 06 năm



Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

#### 5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo đúng qui định hiện hành.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quy;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

#### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

#### 11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

#### 12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**13. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

		Đơn vị tính: đồng		
		31/12/2018	01/01/2018	
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>				
- Tiền mặt		39.316.000	120.028.000	
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		188.234.278	1.240.874.727	
<b>Cộng</b>		<b>227.550.278</b>	<b>1.360.902.727</b>	
<b>2. Phải thu khách hàng</b>		31/12/2018	01/01/2018	
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>				
- Viện NCTKKSCN Điện lực Quảng Tây		-	2.355.913.591	
- Viện Nghiên Cứu Cơ Khí (NARIME)		2.579.546.369	12.541.989.836	
- Cty TNHH XD-TM DL Công Lý		3.662.881.866	3.662.881.866	
- Các khách hàng khác		21.916.888.333	27.832.867.348	
<i>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>				
- Công ty CP Lilama 3 - Công trình Giấy Bãi Bằng		103.420.461	103.420.461	
- Công ty CP Lilama 3 - Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4		1.828.333.085	1.828.333.085	
- Công ty CP LILAMA 45.1		417.549.658	417.549.658	
- Công ty CP Lilama 45.3		581.280.679	3.185.886.935	
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam		925.431.768	925.431.768	
<b>Cộng</b>		<b>32.015.432.219</b>	<b>52.854.274.548</b>	
<b>3. Phải thu khác</b>		31/12/2018	01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	586.962.445	204.300.777	573.642.445	204.300.777
- Phải thu khác	236.507.777	204.300.777	223.187.777	204.300.777
- Tạm ứng	350.454.668	-	350.454.668	-
b) Dài hạn	122.126.281	-	-	-
- Kỳ quỹ, ký cược	122.126.281	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>709.088.726</b>	<b>204.300.777</b>	<b>573.642.445</b>	<b>204.300.777</b>
<b>4. Nợ xấu</b>		31/12/2018	01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</i>				
- Phải thu khách hàng	2.209.874.082	-	2.256.732.916	-
- Trả trước cho người bán	591.910.300	-	591.910.300	-
- Phải thu khác	204.300.777	-	204.300.777	-
<b>Cộng</b>	<b>3.006.085.159</b>	<b>-</b>	<b>3.052.943.993</b>	<b>-</b>
<b>5. Hàng tồn kho</b>		31/12/2018	01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.163.733.489	106.712.760
Công cụ, dụng cụ	-	-	84.128.831	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	131.162.975.766	-	131.071.815.462	-
<b>Cộng</b>	<b>131.162.975.766</b>	<b>-</b>	<b>132.319.677.782</b>	<b>106.712.760</b>



6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu kỳ	18.736.527.301	21.468.762.543	22.202.800.243	286.008.328	-	62.694.098.415
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	18.736.527.301	21.468.762.543	22.202.800.243	286.008.328	-	62.694.098.415
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	15.081.145.748	20.625.187.219	20.478.820.549	248.623.132	-	56.433.776.648
Số tăng trong kỳ	691.852.374	324.423.065	696.180.483	22.419.027	-	1.734.874.949
- Khấu hao trong kỳ	691.852.374	324.423.065	696.180.483	22.419.027	-	1.734.874.949
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	15.772.998.122	20.949.610.284	21.175.001.032	271.042.159	-	58.168.651.597
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	3.655.381.553	843.575.324	1.723.979.694	37.385.196	-	6.260.321.767
Tại ngày cuối kỳ	2.963.529.179	519.152.259	1.027.799.211	14.966.169	-	4.525.446.818

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.027.183.714 đồng  
 Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.112.677.306 đồng

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Số dư cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Tại ngày cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.981.500.000 đồng

8. Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
b) Dài hạn	191.426.364	191.426.364
- Công cụ dụng cụ	191.426.364	191.426.364

9. Phải trả người bán

	Giá trị	31/12/2018 Số có khả năng trả nợ	Giá trị	01/01/2018 Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Cty TNHH TM DV Hương Thái	3.236.302.599	3.236.302.599	3.336.302.599	3.336.302.599
- Công ty CP TM&SX Thái Dương Anh	2.804.774.762	2.804.774.762	3.404.774.762	3.404.774.762
- Cty TNHH MTV Cơ Khí Chánh Hưng	2.454.827.152	2.454.827.152	2.454.827.152	2.454.827.152
- Các đối tượng khác	26.896.140.102	26.896.140.102	33.197.456.907	33.197.456.907
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Công ty CP Lilama - Thí nghiệm Cơ điện	73.336.300	73.336.300	73.336.300	73.336.300
- Công ty CP Lilama 3	1.019.922.805	1.019.922.805	1.019.922.805	1.019.922.805
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	3.316.882.738	3.316.882.738	3.296.888.563	3.296.888.563
<b>Cộng</b>	<b>39.802.186.458</b>	<b>39.802.186.458</b>	<b>46.783.509.088</b>	<b>46.783.509.088</b>

10. Người mua trả tiền trước

	Giá trị	31/12/2018 Số có khả năng trả nợ	Giá trị	01/01/2018 Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
- Cty CP trang thiết bị HANOITC	-	-	688.937.288	688.937.288
- Công ty CP ĐTXD và TM Quốc Tế (ICT)	-	-	625.441.632	625.441.632
- Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	4.365.398.316	4.365.398.316	2.235.321.635	2.235.321.635
- Các khách hàng khác	334.127.193	334.127.193	254.127.193	254.127.193
<b>b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>				
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	10.850.121.849	10.850.121.849	9.850.121.849	9.850.121.849
- Công ty CP Lilama 69.2	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.849.647.358</b>	<b>15.849.647.358</b>	<b>13.953.949.597</b>	<b>13.953.949.597</b>



## 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2018
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.014.185.775	3.663.310.589	2.712.422.450	2.965.073.914
Thuế thu nhập cá nhân	1.609.948.059	-	1.609.948.059	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	94.501.776	-	-	94.501.776
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	4.274.098.808	1.771.008.472	614.137.519	5.430.969.761
<b>Cộng</b>	<b>7.992.734.418</b>	<b>5.434.319.061</b>	<b>4.936.508.028</b>	<b>8.490.545.451</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 12. Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí lãi vay	-	1.011.740.592
- Chi phí Công trình Thủy điện Vĩnh Hà	8.635.611.438	7.349.682.000
+ Chi phí CT Thủy điện Thác Mơ	504.104.850	1.267.265.550
+ Chi phí CT Nhà máy Đường Đăk Lăk	-	1.742.180.039
+ Chi phí các công trình khác	311.528.000	1.272.725.513
<b>Cộng</b>	<b>9.451.244.288</b>	<b>12.643.593.694</b>

## 13. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	350.817.971	378.285.971
Bảo hiểm xã hội	13.287.596.633	11.392.269.750
Bảo hiểm thất nghiệp	210.187.614	145.951.718
Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.056.596.384	40.808.298.564
+ Cổ tức phải trả	6.766.000.000	6.766.000.000
+ Nợ các đối công trình	13.418.727.616	15.020.968.293
+ Quỹ Tích thương	257.835.180	257.835.180
+ Lãi Vay	24.908.543.831	15.327.606.334
+ Tiền trợ cấp thôi việc phải trả	3.245.303.000	2.975.702.000
+ Phải trả khác	460.186.757	460.186.757
<b>Cộng</b>	<b>62.905.198.602</b>	<b>52.724.806.003</b>

## 14. Vay và nợ thuê tài chính

	Giá trị	31/12/2018 Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	01/01/2018 Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	127.842.927.404	127.842.927.404	-	-	127.842.927.404	127.842.927.404
- <b>Vay ngắn hạn</b>						
+ Chi nhánh Cty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM (DATC) <sup>(1)</sup>	126.892.927.404	126.892.927.404	-	-	126.892.927.404	126.892.927.404
+ Vay cá nhân	950.000.000	950.000.000	-	-	950.000.000	950.000.000

<sup>(1)</sup> Toàn bộ khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được chuyển qua Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM theo Hợp đồng mua bán nợ số 87/2017/HDMBN ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM; Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM và Công ty Cổ phần Lilama 45.4 ngày 28/12/2017. Đến thời điểm ngày 22/2/2019 Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - CN Thành Phố Hồ Chí Minh đã có Công văn số 22/MBN-CNHCM về việc đã tổ chức bán đấu giá thành công nhà máy cơ khí Lilama 45.4 và việc cần trả nợ vay sẽ được DATC - HCM gửi tới Công ty Lilama 45.4 thông qua biên bản đối chiếu công nợ.

## 15. Vốn chủ sở hữu

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Ngân Quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	2.000.893.238	(12.920.264.656)	32.318.628.582
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	(113.314.983.646)	(113.314.983.646)
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	(113.314.983.646)	(113.314.983.646)
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	2.000.893.238	(126.235.248.302)	(80.996.355.064)
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	(21.262.723.359)	(21.262.723.359)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	(21.262.723.359)	(21.262.723.359)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>3.520.000.000</b>	<b>(282.000.000)</b>	<b>2.000.893.238</b>	<b>(147.497.971.661)</b>	<b>(102.259.078.423)</b>

## b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
- Tổng Công ty lập máy Việt Nam - CTCP	14.023.460.000	18.423.460.000
- Vốn góp của cổ đông khác	25.976.540.000	21.576.540.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

## c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	31/12/2018	01/01/2018
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4**

Xa Lộ Hà Nội - Phường Bình Đa - TP. Biên Hòa - Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	31/12/2018	01/01/2018
<b>d) Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.980.000	3.980.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.980.000	3.980.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		
<b>16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
a) Ngoại tệ các loại		
- USD	90,94	104,14
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
	Đơn vị tính: đồng	
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu hoạt động xây lắp	10.972.739.456	60.841.876.561
Doanh thu thanh lý vật tư	492.154.546	
<b>Cộng</b>	<b>11.464.894.002</b>	<b>60.841.876.561</b>
<b>Trong đó doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong kỳ với các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP		16.461.543.052
Công ty CP Lilama 45.3	528.527.890	4.350.806.304
Công ty CP Lilama 3		698.634.632
<b>Cộng</b>	<b>528.527.890</b>	<b>21.510.983.988</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
Giá vốn hoạt động xây lắp	14.950.302.433	155.077.105.871
Giá vốn thanh lý vật tư	1.170.332.011	
<b>Cộng</b>	<b>16.120.634.444</b>	<b>155.077.105.871</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.112.450	4.240.642
Lãi chênh lệch tỷ giá	57.551.426	43.617.399
<b>Cộng</b>	<b>63.663.876</b>	<b>47.858.041</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4**

Xa Lộ Hà Nội - Phường Bình Đa - TP. Biên Hòa - Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Năm 2018	Năm 2017
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	9.855.524.931	11.550.410.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá	23.999.015	-
<b>Cộng</b>	<b>9.879.523.946</b>	<b>11.550.410.218</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.034.538.116	2.581.078.197
Chi phí quản lý khác	1.905.258.366	3.986.346.983
<b>Cộng</b>	<b>3.939.796.482</b>	<b>6.567.425.180</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
Thu từ nhượng bán tài sản cố định	-	27.077.467
Các khoản khác	694.229.714	1.085.926.647
<b>Cộng</b>	<b>694.229.714</b>	<b>1.113.004.114</b>
<b>7. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.131.456.980	1.161.542.450
Phạt chậm nộp thuế	2.366.917.563	-
Phạt chậm trả tiền vay	-	693.306.347
Các khoản khác	47.181.536	267.932.296
<b>Cộng</b>	<b>3.545.556.079</b>	<b>2.122.781.093</b>
<b>8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.262.723.359)	(113.314.983.646)
b) Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
c) Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (-a+b)	(21.262.723.359)	(113.314.983.646)
d) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ (*)	-	-
e) Số lượng Cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ	3.980.000	3.980.000
f) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.980.000	3.980.000
g) số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
h) Lãi cơ bản trên cổ phiếu $\{-(c-d)/f\}$	(5.342)	(28.471)
i) Lãi suy giảm trên cổ phiếu $\{-(c-d)/(f+g)\}$	(5.342)	(28.471)

(\*) Theo Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHCD ngày 29/6/2018 thì không phân phối lợi nhuận năm 2017 do hoạt động kinh doanh đang bị lỗ. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu không phải tính đến ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi  
 Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu



9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.980.817.408	1.343.168.025
Chi phí nhân công	5.268.625.921	11.635.079.311
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.734.874.949	1.400.213.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	4.507.624.668	2.841.063.106
Chi phí khác bằng tiền	2.365.843.096	1.622.144.621
<b>Cộng</b>	<b>17.857.786.042</b>	<b>18.841.668.623</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh trong kỳ**

Ngày 4/10/2018 Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 1631/QĐ-CT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty cổ phần Lilama 45.4. Đến thời điểm hiện tại thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành. Công ty được Cục Thuế cho phép sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh.

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 20/2/2019 Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh (DATC-HCM) đã có công văn gửi Công ty Cổ phần Lilama 45.4 thông báo về việc đã tổ chức bán đấu giá thành công tài sản trên đất gắn liền với lợi thế quyền thuê 19.899 m2 đất tại nhà máy cơ khí chế tạo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại địa chỉ số 4 đường 9A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với mức giá 46.046.000.000 đồng. Theo đó số tiền bán tài sản thu được sẽ được DATC-HCM trừ vào nợ gốc mà Công ty Lilama 45.4 phải trả, việc cản trở công nợ sẽ được chi tiết tại biên bản đối chiếu công nợ.

Ngoài sự kiện phát sinh trên không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**3. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Cổ đồng góp vốn	Thu tiền khối lượng Phải thu bảo hiểm công nhận biệt phái	1.000.000.000 13.320.000
2	Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Đơn vị thành viên của cổ đồng góp vốn	Doanh thu xây lắp Thu tiền khối lượng	528.527.890 3.185.886.935
			Năm 2018	Năm 2017
			239.558.000	397.277.000
			110.430.000	227.875.000
			<b>349.988.000</b>	<b>625.152.000</b>

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị  
Tiền lương thù lao ban kiểm soát, thư kí  
**Cộng**

**4. Báo cáo bộ phận**

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

**5. Thông tin so sánh**

Số dư đầu kỳ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc

Phan Cao Viên



*Đồng Nai, ngày 18 tháng 4 năm 2019*

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4**



**Tổng Giám Đốc**  
*Phan Cao Viên*

